

Bản án số: 225/2023/HC-PT

Ngày: 24/7/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định*

hành chính trong lĩnh vực đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hòa

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tân Trường

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 17/2023/TLPT- HC ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2506/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ 6, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xử vắng mặt

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ1 - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Th - Công chức Tư pháp

- Hộ tịch xã T1. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn C, sinh năm 1938. (chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn C:

+ Bà Lê Thị A, sinh năm 1944. Vắng mặt

+ Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1978. Có mặt

+ Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1981. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Đội 5, thôn P, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đội 9, thôn B, xã T3, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người kháng cáo: người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/3/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ghi ngày 03/04/2020, ngày 30/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ trình bày:***

Nguyên cha mẹ bà Đ là cụ Nguyễn M và cụ bà Tôn Thị C1, sinh thời, do gia đình đông con nên cha mẹ bà có tạo mãi của ông Tôn Long T3 (tức Hai H2, con ông Chánh T4) thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 8, diện tích 232m², loại đất (T), thuộc bộ địa chính xã T1 với ý định để làm nhà cho các con ở (nay thuộc thửa đất số 1372, tờ bản đồ số 22, diện tích 218m², xã T1). Trước năm 1969, cha mẹ bà Đ là người quản lý, sử dụng thửa đất này. Năm 1969, cha mẹ bà cùng với 03 người em bị đạn pháo bắn chết (một lúc 05 người) chỉ còn lại 02 chị em là bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị P còn sống sót, do bà thoát ly công tác cách mạng từ năm 1967, bà P đi làm ăn xa. Từ đó, bà không thể quản lý được thửa đất này.

Theo hồ sơ xác minh cũng như sự thừa nhận của Chủ tịch UBND xã T1 thì: Thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 8, diện tích 232m², loại đất (T), thuộc bộ địa chính xã T1 là đất 5% do UBND xã T1 quản lý, có giao cho ông Nguyễn C sử dụng từ năm 1980 đến nay. Sau năm 1975, do Nông hội dùng để bắt mại. Khi có Chỉ thị 299/TTg thì Chi bộ, Tổ đảng dự kiến dùng để làm nhà sinh hoạt xóm, thôn nhưng sau đó không làm; năm 1980 có giao cho ông Nguyễn C sử dụng để sản xuất nhưng do gia đình ông C có công cách mạng nên không thu lệ phí đất (tóm tắt nội dung xác minh tại Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của Chủ tịch UBND xã T1).

Xuất phát từ nội dung Công văn số 169/2002/KHXX ngày 15/11/2002 về đường lối giải quyết các khiếu kiện các tranh chấp đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng và thực tế quyền lợi chính đáng của gia đình bà Đ, ngày 06/9/2018 bà Đ có đơn yêu cầu Chủ tịch UBND xã T1 giao trả lại đất cho bà, vì đất này Nhà nước chưa cân đối để cấp theo Nghị định số 64-CP cũng như trong quá

trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, địa phương chưa giao cho ai sử dụng nên bà yêu cầu Chủ tịch UBND xã T1 xác nhận nguồn gốc đất để giao trả và theo đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà (việc Chủ tịch UBND xã T1 có giao cho ông Nguyễn C sử dụng từ năm 1980 đến nay chỉ là cho thuê, không giao theo các chính sách đất đai của Nhà nước).

Cha mẹ và chị em bà Đ đã chết, bà tham gia cách mạng, thửa đất này bà đòi lại là chính đáng vì nguồn gốc đất là của cha mẹ bà để lại; đất này chưa đưa vào Hợp tác xã, không thuộc quỹ đất của Hợp tác xã cũng chưa bố trí cho ai, UBND xã T1 vẫn quản lý đất này; nếu đã cấp cho người khác thì bà Đ sẽ chấp nhận nhưng UBND xã T1 chỉ đưa đất cho ông C làm. Vì vậy, UBND xã T1 và Chủ tịch UBND huyện S cần xem xét lại quyền lợi chính đáng của bà.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND xã T1 đã từ chối xác nhận nguồn gốc đất để bà kê khai, đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần 2 cũng giữ nguyên việc từ chối xác nhận nguồn gốc đất. Việc từ chối xác nhận nguồn gốc đất và trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đ là trái với đường lối giải quyết tranh chấp đất mà Đảng, Nhà nước đã ban hành trên cơ sở tạo điều kiện cho người tham gia cách mạng không có điều kiện sử dụng đất liên tục mà nay đất đó chưa đưa vào thực hiện các chính sách đất đai của Nhà nước.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị Đ (Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện: Buộc UBND xã T1 xác nhận nguồn gốc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

**** Tại Văn bản số 87/UBND ngày 25/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Chủ tịch UBND xã T1 trình bày:***

Từ năm 1969 đến nay, gia đình bà Nguyễn Thị Đ không kê khai đăng ký, quản lý sử dụng thửa đất số 1372; khi thực hiện chính sách đất đai thì thửa đất này đã được Hợp tác xã và UBND xã T1 kê khai đăng ký, quản lý và đưa vào sử dụng với mục đích là đất công ích. Đối chiếu quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì bà Nguyễn Thị Đ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND xã T1 từ chối xác nhận thủ tục, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Đ tại thửa đất số 1005, diện tích 232m², tờ bản đồ số 8, xã

T1 (nay là thửa đất số 1372, diện tích 218m², tờ bản đồ số 22, xã T1) là đúng quy định của pháp luật.

Việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là không có cơ sở vì UBND xã T1 đã giải quyết đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật về thủ tục xác lập hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2013. Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ (lần đầu) là đúng pháp luật.

**** Tại Văn bản số 971/UBND-NC ngày 05/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đ1 - Phó Chủ tịch UBND huyện S trình bày:***

Nguyên thửa đất bà Nguyễn Thị Đ khiếu nại có nguồn gốc là của ông Tôn Long T3 (Hai H2 - con ông Chánh C2). Trước năm 1966, thửa đất này do vợ chồng ông Nguyễn M và bà Tôn Thị C1 (cha và mẹ bà Đ) sử dụng trồng hoa màu. Năm 1966, giặc đến thì ông Nguyễn M và bà Tôn Thị C1 bỏ đi nơi khác, bà Nguyễn Thị Đ thoát ly, thửa đất này bỏ hoang. Năm 1969, ông Nguyễn M, bà Tôn Thị C1 và 03 người em của bà Đ đều bị địch giết chết. Từ năm 1969 đến năm 1975, thửa đất này bỏ hoang không ai sử dụng. Sau năm 1975, Nông hội và Hợp tác xã T1 quản lý thửa đất này dùng để bắt mạt. Năm 1980, ông Nguyễn C có mảnh vườn liền kề thửa đất này xin được canh tác nên Chi bộ và Tổ đảng ở thôn Đông, xã T1 cho ông Nguyễn C canh tác, sử dụng trồng hoa màu. Khi thực hiện kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg trên địa bàn xã T1, thì thửa đất này mang số thửa 1005, diện tích 232m², loại đất ĐM (đất màu), tờ bản đồ số 8 do Đội 5, thôn Đông, xã T1 kê khai, quản lý trong Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu số 5a), được ghi là đất 5% tại trang số 01 và người trực tiếp sử dụng là ông Nguyễn C. Theo bản đồ địa chính xã T1 lập năm 1996 thì thửa đất 1005 biến động thành thửa đất số 1372, diện tích 218m², loại đất ĐRM, tờ bản đồ số 22, xã T1. Khi thực hiện kê khai đăng ký thì UBND xã T1 kê khai, quản lý tại trang số 127, quyển số 12, Sổ địa chính và được đưa vào sử dụng là đất công ích. Người được UBND xã T1 cho thuê trực tiếp sử dụng thửa đất này là ông Nguyễn C. Như vậy, từ năm 1969 đến nay gia đình bà Nguyễn Thị Đ không kê khai đăng ký, quản lý sử dụng thửa đất số 1372; khi thực hiện chính sách đất đai thì thửa đất này đã được Hợp tác xã và UBND xã T1 kê khai đăng ký, quản lý và đưa vào sử dụng với mục đích là đất công ích. Đối chiếu quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì bà Nguyễn Thị Đ không đủ điều kiện để được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND xã T1 từ chối xác nhận thủ tục, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Đ tại thửa đất số 1005, diện tích 232m², tờ bản đồ số 8, xã T1 (nay là thửa đất số 1372, diện tích 218m², tờ bản đồ số 22, xã T1) là đúng quy định của pháp luật; Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị Đ (Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) là đúng pháp luật.

**** Tại bản tự khai ngày 20/8/2020 của bà Lê Thị A, ông Nguyễn Minh Tr; bản tự khai ngày 26/8/2020 của bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Minh C và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Tr trình bày:***

Về nguồn gốc thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 8 xã T1, diện tích 232m² (nay là thửa số 1372, tờ bản đồ số 22 xã T1, diện tích 218m², loại đất màu), được UBND xã T1 cho ông Nguyễn C thuê để sử dụng từ năm 1980 đến nay không ai tranh chấp. Quá trình sử dụng, ông C trồng rau, bắp, mía và có nộp thuế sử dụng đất cho nhà nước. Sau khi ông C chết thì bà A và ông Tr tiếp tục sử dụng trồng mía, nay chuyển sang trồng cau và chưa làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên vọng của gia đình là được tiếp tục sử dụng đất, khi nào Nhà nước thu hồi, gia đình tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước nhưng không đồng ý giao đất cho bà Nguyễn Thị Đ. Việc Chủ tịch UBND xã T1 và Chủ tịch UBND huyện S giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ là đúng pháp luật.

Về thông tin hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn C và thời điểm chết của ông C đúng như Công văn số 107/UBND ngày 23/7/2020 của UBND xã T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 12/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

“Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 173, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 100, 101, 132 Luật Đất đai 2013; Điều 17, khoản 2 Điều 18; các Điều 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 5, 6, 7, 10, 11, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị Đ (Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc UBND xã T1 xác nhận nguồn gốc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Đ.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/12/2022, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa lần 2, các đương sự vắng mặt; việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu UBND xã T1 từ chối không xác nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 1005, diện tích 232m², tờ bản đồ số 08 của bà Nguyễn Thị Đ là những quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính là đúng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/3/2020, bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Bà Nguyễn Thị Đ lập hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 1005, diện tích 232m², tờ bản đồ số 08, địa chỉ: đội 5, thôn Đông, xã T1, huyện

S, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng Ủy ban nhân dân xã T1 có Văn bản số 234/CV-UBND xác nhận bà Nguyễn Thị Đ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Đ có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã T1. Ngày 25/10/2018, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 338/QĐ-UBND, bà Đ tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND. Như vậy, Chủ tịch UBND xã T1, Chủ tịch UBND huyện S ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền quy định tại Luật khiếu nại 2011.

[5] Xét Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, thấy:

[5.1] Trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Nguồn gốc thửa đất số 1005 diện tích 232m², loại đất màu, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa số 1372, tờ bản đồ số 22), bà Nguyễn Thị Đ cho rằng bố mẹ bà là cụ Nguyễn M, Tôn Thị C1 nhận chuyển nhượng từ ông Tôn Long T3 (tức Hai H2, con ông Chánh C2h) từ năm 1969. Tuy nhiên, cha mẹ bà cùng 03 người em bị đạn pháo bắn chết vào năm 1969, gia đình chỉ còn lại 2 chị em là bà Đ và bà Nguyễn Thị P. Bà Đ thoát ly làm cách mạng từ năm 1967, bà P đi làm ăn xa nên thửa đất này, không ai quản lý. Ngày 08/8/2018, bà Đ có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Văn bản số 234/CV-UBND ngày 29/8/2018 với nội dung: bà Đ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Đ có đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND xã T1 đã thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của bà Đ. Căn cứ vào Báo cáo của Tổ xác minh ngày 18/10/2018 và Biên bản gặp gỡ đối thoại ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND là đúng trình tự, thẩm quyền quy định tại Điều 29, 30 Luật khiếu nại.

[5.2] Xét bà Nguyễn Thị Đ có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Sổ Đăng ký ruộng đất (Mẫu 5a), quyển số 03, trang 21, thì thửa đất số 1005, diện tích 232m², loại đất ĐM (đất màu), tờ bản đồ số 08 (theo Chỉ thị 299/TTg) là đất 5% do Đội 5, thôn Đông, xã T1 kê khai, quản lý.

Thực hiện Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 08 biến động thành thửa đất số 1372, loại đất ĐRM (đất màu), tờ bản đồ số 22 do UBND xã T1 kê khai, quản lý tại trang số 127, quyển số 12, sổ Địa chính và được sử dụng làm đất công ích.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày có 02 người biết sự việc của gia đình bà là bà Nguyễn Thị Quy, ông Trương Hay. Quá trình giải quyết vụ án, bà Quy, ông Hay đều thống nhất: Sau năm 1975, bà Nguyễn Thị Đ về xây nhà trên thửa đất hiện nay ông Nguyễn Nghị đang ở, còn thửa đất 1372 bỏ trống không sử dụng. Sau đó Hợp tác xã T1 sử dụng để bắt mạ, khoảng vài năm sau thì ông Nguyễn C sử dụng trồng hoa màu trên thửa đất 1372 cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị Đ cũng xác nhận không tiến hành kê khai đăng ký và cũng không sử dụng thửa đất số 1372 từ năm 1978 cho đến nay.

Tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

a) Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, Sổ địa chính trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa, nhà tình thương gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

đ) Giấy tờ thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở; giấy tờ mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất;

g) Các loại giấy tờ khác được xác lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 theo quy định của Chính phủ.”

Tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

Đối chiếu với quy định trên, bà Nguyễn Thị Đ không có loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai và cũng không sử dụng đất nên không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5.3] Ngoài lời khai của bà Nguyễn Thị Quy, ông Trương Hay thì bà Nguyễn Thị Đ không có tài liệu gì để chứng minh việc bố mẹ bà đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 1372 từ ông Tôn Long T3, bà Đ cũng không sử dụng thửa đất số 1372 từ năm 1978 (theo sự trình bày của bà Đ) đến hiện nay và theo Sổ Đăng ký ruộng đất (Mẫu 5a), quyển số 03, trang 21, thì thửa đất số 1005, diện tích 232m², loại đất ĐM (đất màu), tờ bản đồ số 08 (theo Chỉ thị 299/TTg) là đất 5% do Đội 5, thôn Đông, xã T1 kê khai, quản lý. Tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013 quy định “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, như vậy, trong trường hợp thửa đất số 1372 là do cha mẹ của bà Đ nhận chuyển nhượng từ ông Tôn Tự Long, nhưng bà Đ không sử dụng và thửa đất này Nhà nước đã giao cho UBND xã T1 quản lý, sử dụng từ năm 1980 thì bà Đ thuộc trường hợp Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại thửa đất số 1372.

[5.4] Như vậy, Văn bản số 234/CV-UBND ngày 20/8/2018 của UBND xã T1 có nội dung: “Như vậy, trường hợp của bà Nguyễn Thị Đ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...Nay, UBND xã T1 trả lời cho bà Nguyễn Thị Đ biết; đồng thời không tiếp nhận, giải quyết nội dung liên quan đến thửa đất nêu trên” là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018, tiếp tục “Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 06/9/2018 của bà Nguyễn Thị Đ, về nội dung Công văn 234/CV-UBND ngày 29/8/2018 của UBND xã T1 và Nội dung: khiếu nại UBND xã T1 từ chối không xác nhận làm thủ tục Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1005, diện tích 232m², tờ bản đồ số 08, địa chỉ Đội 05 thôn Đông, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất trên là do cha, mẹ tôi để lại (Cha Nguyễn M, mẹ Tôn Thị C1) có nguồn gốc trong bản đồ 299/TTg” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Xét Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện S, thấy:

[6.1] Trình tự, thủ tục ban hành: Sau khi bà Nguyễn Thị Đình khiếu nại Quyết định số 338/QĐ-UBND, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 968/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại là đúng quy định của Luật khiếu nại.

[6.2] Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 338/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S “*Bác nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ về việc UBND xã T1 từ chối xác nhận làm thủ tục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1005, diện tích 232m², loại đất ĐM (đất màu), tờ bản đồ số 8, xã T1 (theo Chỉ thị 299/TTg), nay là thửa đất số 1372, diện tích 218m², loại đất ĐRM (đất màu), tờ bản đồ số 22, xã T1*” là có căn cứ.

[7] Về án phí: mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Nguyễn Thị Đ thuộc trường hợp cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng các Điều 100, 101, 132 Luật Đất đai 2013

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Đ (lần đầu).

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị Đ (Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận nguồn gốc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Đ.

Áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Đ không phải án phí hành chính phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa